TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2018/HS-ST Ngày 25-9-2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H,TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiện Bửu;

Ông Lê Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Pham Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/TLST-HS, ngày 17 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.Trần Văn B, sinh năm 1999 tại H; Nơi cư trú: Khóm 3, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần Thanh S, sinh năm 1981 (sống) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981 (sống); Có 03 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ con: chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ: Ngày 07/5/2018; Tạm giam: Ngày 16/5/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công Ahị xã H (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T Si Đa), sinh năm 1994 tại H; Nơi cư trú: Khóm 1, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 (sống) và bà Nguyễn Thị Bích L1 (sống); Có 02 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Năm 2015 bị Tòa án nhân thị xã H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/3/2017; Tạm giữ: Ngày 07/5/2018; Tạm giam: Ngày 16/5/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công Ahị xã H (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 3, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. T1 Thị Bích T1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Nơi cứ trú: Khóm 5, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị K, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Long Bình, xã Long Khánh A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cứ trú: Khóm 3, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Chí B1, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 4, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Võ Văn S1, sinh năm 1955 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 167, ấp Thị, xã TH2 Lạc, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Lương Công C, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 3, xã X, thị xã G, tỉnh An Giang.

Chổ ở hiện nay: Khóm 3, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người chứng kiến*:

1. Lê Thị M L3, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp P 1, pH2 V, Thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Chổ ở hiện nay: Khóm 3, pH2 A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị T5, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp P1, pH2 V, Thành phố Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 40 phút, ngày 07/5/2018 Trần Văn B điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 66P1-889.44 từ nhà ra chợ thị xã H mục đích mua sữa uống, khi đến đoạn ngã tư giao nhau giữa đường Ngô Quyền và Chu Văn An, thuộc khóm 3, pH2 A thì gặp Nguyễn Văn T đang đi bộ, T gọi B lại và hỏi B đi đâu, B trả lời "Đi uống sữa, mày đi không?", T đồng ý rồi lên xe cho B chở ra hướng chợ thị xã H. Lúc này, B phát hiện thấy chị Ngô Thị Tuyết M điều khiển xe mô tô chạy cùng chiều phía trước, trên xe có treo (máng) 01 túi xách để bên tay cầm bên trái nên nảy sinh ý định cướp giật. B chủ động rủ T thực hiện hành vi cướp giật túi xách lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. B điều khiển xe mô tô chạy theo phía sau chị M, khi

đến đường Lê Lợi, thuộc khóm 2, pH2 A, lợi dụng đoạn đường vắng người qua lại, B điều khiển xe vượt lên áp sát vào xe chị M để T ngồi phía sau dùng tay giật túi xách rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Sau khi cướp giật được túi xách, B điều khiển xe chở T về nhà trọ do chị Lê Thị M LAhuê tại khóm 3, pH2 A, thị xã H để ngủ nhờ, tại đây T kiểm tra trong túi xách phát hiện có 2.070.000đồng tiền Việt Nam (Hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) và một số giấy tờ tùy thân khác, tiền cướp giật được T chia cho B 1.035.000đồng, T giữ 1.035.000đồng. Số tiền cướp giật được B mua ma túy sử dụng chung với T 350.000đồng; mua thẻ cào điện thoại (Card) 50.000đồng; mua nước uống 30.000đồng và tiêu xài cá nhân khác 273.000đồng. Đối với T số tiền cướp giật có được đã tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Sau khi bị cướp giật tài sản, chị M đến Công an pH2 A, thị xã H trình B1o vụ việc. Cùng ngày B và T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công Ahị xã H giữ người trong trường hợp khẩn cấp để điều tra làm rõ.

Vật chứng vụ án: Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn B, Cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc túi xách có in dòng chữ hoa văn hình tròn màu nâu KIPLING, đã qua sử dụng bên trong túi xách có một số đồ vật và giấy tờ tùy thân như sau:

- 01 (Một) hộp mũ nhựa tròn màu cam;
- 01 (Một) khẩu trang màu xanh có in hình đầu con mèo;
- 01 (Một) phiếu nộp tiền của Ngân hàng ABBANK do Ngô Thị Tuyết M nộp ngày 17/3/2018;
- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 341291755 mang tên Ngô Thị Tuyết M, cấp ngày 18/5/2016;
- 02 (Hai) mặt dây chuyền hình hoa M bằng kim loại màu trắng, có đính hột đá màu trắng trên mặt dây chuyền;
- 02 (Hai) chiếc bông tai bằng kim loại màu trắng có đính hột đá màu trắng trên mỗi chiếc đã được niêm phong bằng phong bì màu trắng có chữ ký của Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thành Được, Nguyễn Phú Bình, Lê Văn Dẫu;
- 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô 66H1-149.41 tên Nguyễn Thị T5;
- 01 (Một) thẻ B hiểm y tế số GD 4871200904354;
- 01 (Một) thẻ B hiểm y tến số GD 4878721898201.

Thu giữ của Trần Văn B:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu bạc, vàng gold;
- 01 (Một) cái ví da màu đen có in dòng chữ PoLo;
- Tiền Việt Nam là 332.000đồng (Ba trăm, ba mươi hai nghìn đồng);

- 01 (Một) chiếc mũ B hiểm màu xanh, phía trước có in dòng chữ Piagio đã qua sử dụng;

- 01 (Một) chiếc áo khoác màu đen có in dòng chữ Adidas;

- 01 (Một) giấy B1n xe của Công ty Hòa Nhanh B1n cho Nguyễn Chí B1 xe mô tô 66P1 - 889.44

- 01 (Một) hộp màu đen, bên trong có 03 ống mũ nhựa màu trắng đục và 01 ống thủy tinh màu trắng đục dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (Một) bọc nilong màu trắng có in hình hoa văn

- 01 (Một) xe mô tô màu đỏ, hiệu Guida mang biển kiểm soát 66P1-889.44. số máy 020802; số khung 020802.

- 01 (Một) giấy biên nhận cầm vàng tên tiệm vàng Kim Lũy, ngày 14/5/2017.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ được 02 gói nilong màu trắng trong được hàn kín 02 đầu bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn, màu trắng (nghi là ma túy tổng hợp). Qua điều tra B khai nhận 02 gói nilong màu trắng trong được hàn kín 02 đầu là ma túy đá và các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy là của B, ma túy có được là do B mua của Nguyễn Thị K với mục đích tàng trữ để sử dụng. Còn chiếc xúi xách bên trong có chứa một số đồ vật và giấy tờ tùy thân khác là do B và T vừa cướp giật được của chị M mà có.

Tại bản kết luận giám định số: 301/KL-KTHS ngày 09/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công Aỉnh Đồng Tháp. Kết luận:

"*Tinh thể rắn chứa trong 02 bịch ni long màu trắng hàn kín được niêm phong trong phong bì nêu trên gửi giám định đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 0,2437 gam, loại Methamphetamine*".

Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 (Một) chiếc điện thoại di động Mobistar màu xanh đen.

Đối với chiếc túi xách, 01 (Một) mặt dây chuyền hình hoa M bằng kim loại màu trắng, có đính hột đá màu trắng trên mặt dây chuyền và 02 (Hai) chiếc bông tai bằng kim loại màu trắng có đính hột đá màu trắng trên mỗi chiếc. Chị M có đơn yêu cầu không định giá tài sản vì đây là những vật tư trang giả, không có giá trị và không yêu cầu bồi tH2 đồng thời xin nhận lại số đồ vật trên.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại những đồ vật trên và các giấy tờ tùy thân khác có liên quan nhằm phụ vụ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày.

Về dân sự: Qua quá trình điều tra bị cáo Trần Văn B đã tự nguyện bồi tH2 cho bị hại Ngô Thị Tuyết M số tiền 3.100.000đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Văn T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKS-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H truy tố bị cáo Trần Văn B về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai B1o hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Đối với số tiền bị cáo Trần Văn B bồi tH2 cho bị hại chị Ngô Thị Tuyết M, bị cáo B đồng ý khắc phục hậu quả luôn cho bị cáo Nguyễn Văn T, không yêu cầu bị cáo T phải trả lại.

Bị hại Ngô Thị Tuyết M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn B; về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã bồi tH2 xong số tiền chiếm đoạt cho chị, đồng thời chị cũng đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên chị không yêu cầu bồi tH2 gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S1 trình bày: Chiếc xe mô tô màu đỏ, hiệu Guida mang biển kiểm soát 66P1-889.44. số máy 020802; số khung 020802 mà các bị cáo sử dụng đi cướp giật tài sản là của ông mua của cửa hàng, sau đó ông đã B1n lại cho cửa hàng Nhanh, nay ông không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H2 trình bày: Phần tiền khắc phục cho bị hại chị M là do bị cáo B tác động để gia đình bồi tH2, chị thống nhất là bồi tH2 luôn cho bị cáo T và không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền trên.

Tại phiên toà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H thực hành quyền công tố khẳng định: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đối với bị cáo Trần Văn B:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt chung của 02 tội với mức hình phạt từ 07 năm đến 09 năm tù.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù.

Đối với Nguyễn Thị K là người bị cáo Trần Văn B khai nhận B1n ma túy cho B nhưng qua điều tra không chứng minh được hành vi mua B1n trái phép chất ma túy của Huế cho B nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Huế về tội "Mua B1n trái phép chất ma túy". Đồng thời đối với chị Lê Thị M Lan là chủ phòng trọ cho bị cáo Trần Văn B ngủ nhờ, việc B thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác chị Lan hoàn toàn không biết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Không tố giác tội phạm", nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Các bên tự nguyện thỏa thuận bồi tH2 xong thiệt hại, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

* *Về tài sản tạm giữ và vật chứng vụ án*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- *Tịch thu tiêu hủy*:

+ 01 (Một) phong bì ghi kết luận giám định số 306 ngày 09/5/2018 có đóng dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công Aỉnh Đồng Tháp và các chữ ký ghi họ tên Trương Minh Vũ và Nguyễn Thanh B;

+ 01 (Một) hộp màu đen, bên trong có 03 ống mũ nhựa màu trắng đục và 01 ống thủy tinh màu trắng đục dùng để sử dụng ma túy;

+ 01 (Một) bọc nilong màu trắng có in hình hoa văn;

+ 01 (Một) chiếc áo khoác màu đen có in dòng chữ Adidas;

+ 01 (Một) cái ví da màu đen có in dòng chữ PoLo;

+ 01 (Một) chiếc mũ B hiểm màu xanh, phía trước có in dòng chữ Piagio đã qua sử dụng;

- *Tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước:*

+ 01 (Một) xe mô tô màu đỏ, hiệu Guida mang biển kiểm soát 66P1-889.44. số máy 020802; số khung 020802.

+ Tiền Việt Nam là 332.000đồng (Ba trăm, ba mươi hai nghìn đồng)

- *Trả lại cho bị cáo Trần Văn B*: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu bạc, vàng gold;

- *Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T*: 01 (Một) chiếc điện thoại di động Mobistar màu xanh đen.

** Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án***:**

+ 01 (Một) giấy B1n xe của Công ty Hòa Nhanh B1n cho Nguyễn Chí B1 xe mô tô 66P1 - 889.44.

+ 01 (Một) giấy biên nhận cầm vàng tên tiệm vàng Kim Lũy, ngày 14/5/2017.

Bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Văn T thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho Xã hội. Do muốn nhanh có tiền tiêu xài cá nhân mà không bỏ sức lao động nên Trần Văn B nảy sinh ý định và rủ Nguyễn Văn T cướp giật tài sản của người khác để chia nhau tiêu xài cá nhân. B sử dụng xe mô tô điều khiển chở T ngồi phía sau cướp giật tài sản của chị Ngô Thị Tuyết M với số tiền là 2.070.000đồng (Hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Trần Văn B còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với với mục đích sứ dụng có khối lượng là *0,2437*gam Methamphetamine.

Căn cứ vào lời thừa nhận của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Căn cứ Bản kết luận giám định số: 301/KL-KTHS ngày 09/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự (KTHS) Công Aỉnh Đồng Tháp.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn

Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự

Điều 171. Tội cướp giật tài sản

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) ……..;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm…;"

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua B1n, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ……..;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;.."

Tội phạm mà các bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý chất ma túy. Mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại tuy không lớn, nhưng hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho Xã hội, đã làm cho quần chúng nhân dân hoang mang lo sợ, thiếu Aâm trong lao động sản xuất, nên cần phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[2] Trong tội "Cướp giật tài sản" các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với hình thức đồng phạm, nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, nên Hội đồng xét xử phải xem xét vai trò phạm tội của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

Trong đó, bị cáo Trần Văn B là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cướp giật tài sản và cũng là người chở bị cáo Nguyễn Văn T đi thực hiện hành vi cướp giật.

Ngoài hành vi cướp giật tài sản, bị cáo Trần Văn B còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Hành vi pham tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho Xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T , khi bị cáo Trần Văn B rủ rê thực hiện hành vi cướp giật tài sản là bị cáo đồng ý và thực hiện ngay, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật chiếc túi xách của chị Ngô Thị Tuyết M. Hành vi phạm tội của bị cáo củng rất nguy hiểm cho xã hội nên củng cẫn phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn B được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: thành khẩn khai B1o, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục xong hậu quả do hành vi phạm tội mà mình gây ra và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T: Được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai B1o, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục xong hậu quả do hành vi phạm tội mà mình gây ra.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trần Văn B: Không có.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Có 01 tình tiết, khi thực hiện tội phạm thì bị cáo còn tiền án, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm – là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và Xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý thức phạm tội như các bị cáo.

[6] Đối với Nguyễn Thị K là người bị cáo Trần Văn B khai nhận B1n ma túy cho B nhưng qua điều tra không chứng minh được hành vi mua B1n trái phép chất ma túy của Huế cho B, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Huế về tội "Mua B1n trái phép chất ma túy" và đối với chị Lê Thị M Lan là chủ phòng trọ cho bị cáo Trần Văn B ngủ nhờ, việc B thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác chị Lan hoàn toàn không biết nên Viện kiểm sát không truy

cứu trách nhiệm hình sự về tội "Không tố giác tội phạm", do đó Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 2.070.000đồng mà các bị cáo chiếm đoạt của chị Ngô Thị Tuyết M, trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn B đã tự nguyện bồi tH2 xong cho chị M số tiền trên và bị cáo B, chị H2 cũng không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T trả lại số tiền trên, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án**:**

* Đối với các tài sản*:*

- 01 (Một) chiếc túi xách có in dòng chữ hoa văn hình tròn màu nâu KIPLING, đã qua sử dụng

- 01 (Một) hộp mũ nhựa tròn màu cam;

- 01 (Một) khẩu trang màu xanh có in hình đầu con mèo;

- 01 (Một) phiếu nộp tiền của Ngân hàng ABBANK do Ngô Thị Tuyết M nộp ngày 17/3/2018;

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 341291755 mang tên Ngô Thị Tuyết M, cấp ngày 18/5/2016;

- 02 (Hai) mặt dây chuyền hình hoa M bằng kim loại màu trắng, có đính hột đá màu trắng trên mặt dây chuyền;

- 02 (Hai) chiếc bông tai bằng kim loại màu trắng có đính hột đá màu trắng trên mỗi chiếc đã được niêm phong bằng phong bì màu trắng có chữ ký của Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thành Được, Nguyễn Phú Bình, Lê Văn Dẫu;

- 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô 66H1-149.41 tên Nguyễn Thị T1 Linh;

- 01 (Một) thẻ B hiểm y tế số GD 4871200904354;

- 01 (Một) thẻ B hiểm y tến số GD 4878721898201.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại Ngô Thị Tuyết M, chị M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi tH2 gì khác, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

* Đối với các tài sản gồm:

- 01 (Một) phong bì ghi kết luận giám định số 306 ngày 09/5/2018 có đóng dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công Aỉnh Đồng Tháp và các chữ ký ghi họ tên Trương Minh Vũ và Nguyễn Thanh B;

- 01 (Một) hộp màu đen, bên trong có 03 ống mũ nhựa màu trắng đục và 01 ống thủy tinh màu trắng đục dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (Một) bọc nilong màu trắng có in hình hoa văn;

- 01 (Một) chiếc áo khoác màu đen có in dòng chữ Adidas;

- 01 (Một) cái ví da màu đen có in dòng chữ PoLo;

- 01 (Một) chiếc mũ B hiểm màu xanh, phía trước có in dòng chữ Piagio đã qua sử dụng;

Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài sản trên liên quan đến hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện nên căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch tiêu hủy là phù hợp pháp luật.

* Đối với chiếc xe mô tô màu đỏ, hiệu Guida mang biển kiểm soát 66P1-889.44. số máy 020802; số khung 020802 mà các bị cáo sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội, chiếc xe trên nguồn gốc là của ông Võ Văn S1 mua, sau đó B1n lại cho cửa hàng Nhanh và cửa hàng B1n lại cho Nguyễn Chí B1, sau đó Nguyễn Chí B1 B1n lại cho Trần Văn B nhưng chưa qua sang tên. Hiện nay các ông S1, B1 không tranh chấp và yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Xét thấy đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

* Đối với số tiền Việt Nam là 332.000đồng – đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

***** Đối với các tài sản:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu bạc, vàng gold;

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động Mobistar màu xanh đen.

Hội đồng xét xử xét thấy, các tài sản trên không liên quan đến tội phạm mà các bị cáo thực hiện, nên áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho các bị cáo sử dụng là phù hợp pháp luật.

***** Đối với các giấy tờ**:**

- 01 giấy B1n xe của Công ty Hòa Nhanh B1n cho Nguyễn Chí B1 xe mô tô 66P1 - 889.44.

- 01 giấy biên nhận cầm vàng tên tiệm vàng Kim Lũy, ngày 14/5/2017.

Đây là chứng cứ trong vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ .

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quAiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quAiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quAiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bAH2 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn B phạm tội "Cướp giật tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 06 (Sáu) năm tù về tội "Cướp giật tài sản"

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 02 (Hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 07 tháng 5 năm 2018.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T Si đa) phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 07 tháng 5 năm 2018.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

** Tịch thu tiêu hủy*:

+ 01 (Một) phong bì ghi kết luận giám định số 306 ngày 09/5/2018 có đóng dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự- Công Aỉnh Đồng Tháp và các chữ ký ghi họ tên Trương Minh Vũ và Nguyễn Thanh B;

+ 01 (Một) hộp màu đen, bên trong có 03 ống mũ nhựa màu trắng đục và 01 ống thủy tinh màu trắng đục dùng để sử dụng ma túy;

+ 01 (Một) bọc nilong màu trắng có in hình hoa văn;

+ 01 (Một) chiếc áo khoác màu đen có in dòng chữ Adidas;

+ 01 (Một) cái ví da màu đen có in dòng chữ PoLo;

+ 01 (Một) chiếc mũ B hiểm màu xanh, phía trước có in dòng chữ Piagio đã qua sử dụng;

** Tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước:*

+ 01 (Một) xe mô tô màu đỏ, hiệu Guida mang biển kiểm soát 66P1-889.44. số máy 020802; số khung 020802.

+ Tiền Việt Nam là 332.000đồng (Ba trăm, ba mươi hai nghìn đồng)

** Trả lại cho bị cáo Trần Văn B*: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu bạc, vàng gold;

** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T*: 01 (Một) chiếc điện thoại di động Mobistar màu xanh đen.

** Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án***:**

+ 01 (Một) giấy B1n xe của Công ty Hòa Nhanh B1n cho Nguyễn Chí B1 xe mô tô 66P1 - 889.44;

+ 01 (Một) giấy biên nhận cầm vàng tên tiệm vàng Kim Lũy, ngày 14/5/2017.

(Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H đang quản lý).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bAH2 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Tx. H;
- Cơ quan Điều tra Công Ax. H;
- Nhà tạm giữ Công Ax. H;
- Các bị cáo;

- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Thống